TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ THANH HÓA	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/ 2017/ HNGĐ - ST
Ngày: 18/7/2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng vân

Bà Nguyễn Thị Thưởng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thủy, thư ký Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/ TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/ 2017/ QĐXX - ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T - SN 1983 " Có mặt"

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị H - Sn 1986 " Vắng mặt"

Trú tại: Xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Đặng Thị H kết hôn với nhau vào ngày 25/12/2014, có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2015 phát sinh mâu thuẫn, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4/2015 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá giải quyết cho anh được ly hôn chị Đặng Thị H.

Về con: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Nam K sinh ngày 23/10/2015, ly hôn anh T giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng).

Về tài sản và nợ chung*:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải, bị đơn chị Đặng Thị H trình bày:

Chị H thống nhất với trình bày của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn, chị Trang xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T sống không chung thủy với chị, nay chị H cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị H không đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Nam K sinh ngày 23/10/2015, ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi con, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án ra quyết định cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Tại phiên toà hôm nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là chị Đặng Thị H vắng mặt, chị H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Anh T đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án, nên Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt chị H là phù hợp quy định của pháp luật.

{2} Về hôn nhân*:* Anh T và chị H xây dựng gia đình với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn niềm tin với nhau, quá trình giải quyết vụ án chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý thỏa thuận ly hôn mà để anh T được đơn phương ly hôn.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình Việt nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây cả anh T và chị H đều không còn tình cảm với nhau. Do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật HN&GĐ xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp pháp luật.

{3}***Về con:*** Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Nam K sinh ngày 23/10/2015, anh chị thống nhất giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ khi Tòa án ra quyết định cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của anh T và

chị H về việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

{4}***Về tài sản và nợ chung****:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{5***}Về án phí****:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đặng Thị H.

- *Về con:* Công nhận cháu Nguyễn Nam K sinh ngày 23/10/2015 là con chung của anh T và chị H, giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0007146 ngày 24/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, anh T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đặng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*Đã ký*)

Lê Thị Tân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ .

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thưởng **Nguyễn Hồng Vân** **Lê Thị Tân**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND TT Lam Sơn;
- Lưu hồ sơ .

Lê Thị Tân

TM.hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ .

Lê Thị Tân